

THỰC TIỄN TRIỂN KHAI TÍN DỤNG XANH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

TS. Vũ Mai Chi*

Theo Ngân hàng Thế giới (WB, 2022), Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia dễ bị ảnh hưởng nhất bởi biến đổi khí hậu, với nguy cơ mất khoảng 12 - 14,5% GDP mỗi năm vào năm 2050 nếu không có các biện pháp thích ứng phù hợp. Để đạt mục tiêu tăng trưởng xanh và phát thải ròng bằng 0 trong giai đoạn 2021-2050, Việt Nam cần huy động thêm 144 tỷ USD ngoài ngân sách nhà nước. Nhận thức tầm quan trọng của việc thu hút nguồn tài chính để phát triển bền vững, hệ thống ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng thương mại, đã tăng cường cấp tín dụng xanh cho các dự án mang lại lợi ích về môi trường. Bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu thực nghiệm và phân tích dữ liệu tín dụng xanh, kết hợp với lý thuyết kinh tế, để đánh giá kết quả, hạn chế và nguyên nhân, đồng thời đưa ra khuyến nghị nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang mô hình kinh tế ít cacbon, hỗ trợ nền kinh tế phát triển bền vững trong tương lai.

• Từ khóa: tín dụng xanh, chính sách tín dụng xanh, phát triển bền vững.

According to the World Bank (WB, 2022), Vietnam is considered one of the countries most vulnerable to climate change, with an estimated GDP loss of 12% to 14.5% annually by 2050 if appropriate adaptation measures are not taken. To meet its green growth and net-zero emissions targets for the 2021-2050 period, Vietnam needs to mobilize an additional \$144 billion outside the state budget. Acknowledging the importance of securing financial resources for sustainable development, the banking system, particularly commercial banks, has increased its green credit lending for environmentally beneficial projects. This article uses empirical research methods and green credit data analysis, combined with economic theory, to assess the results, limitations, and underlying causes. It also provides recommendations to accelerate the transition to low-carbon industries and support the sustainable growth of the economy in the future.

• Key words: green credit, green credit policy, sustainable development.

Ngày gửi bài: 20/12/2024

Ngày gửi phản biện: 03/01/2025

Ngày nhận và sửa sau phản biện: 24/01/2025

Ngày chấp nhận đăng: 03/02/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i282.15>

1. Giới thiệu nghiên cứu

Tín dụng xanh là một phần thiết yếu trong hệ thống tài chính xanh, với mục tiêu thúc đẩy bảo tồn năng lượng và giảm phát thải qua hoạt động cấp tín dụng. Ngay từ năm 2003, 10 ngân hàng thương mại lớn như Citibank và HSBC đã ký Nguyên tắc Xích

đạo (EPs) để đánh giá và quản lý rủi ro xã hội, môi trường liên quan đến tài trợ dự án, góp phần phát triển tín dụng xanh. Đến năm 2021, hơn 130 tổ chức tài chính từ 100 quốc gia đã áp dụng EPs với tổng giá trị tài trợ trên 305,9 tỷ USD. Tín dụng xanh đã góp phần “xanh hóa” hệ thống tài chính, tạo tác động tích cực đến phát triển bền vững, đặc biệt trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế và đại dịch Covid-19. Tại Việt Nam, dù còn nhiều thách thức, Chính phủ đã cam kết mạnh mẽ ứng phó biến đổi khí hậu, với mục tiêu giảm phát thải ròng về 0 vào năm 2050. Ngành ngân hàng cũng đóng vai trò quan trọng trong việc cấp tín dụng xanh cho các dự án môi trường. Tuy nhiên, tổng dư nợ tín dụng xanh vẫn còn cách xa mục tiêu 10% vào năm 2025 (bình quân từ 2020-2023, dư nợ tín dụng xanh chỉ dao động khoảng 3 - 4,5%). Theo ước tính của WB (2022), Việt Nam cần khoảng 368 tỷ USD, tương đương 6,8% GDP mỗi năm đến năm 2040 để chuyển đổi sang nền kinh tế xanh. Bài nghiên cứu này tiếp cận tín dụng xanh cả góc độ vi mô và vĩ mô, đánh giá thực tiễn tại các ngân hàng thương mại và đề xuất các khuyến nghị để nâng cao hiệu quả chính sách tín dụng xanh tại Việt Nam. Bài viết được chia thành các mục như sau: Mục 2 cung cấp cái nhìn tổng quan về tín dụng xanh toàn cầu. Mục 3 phân tích, đánh giá thực trạng tại các ngân hàng thương mại Việt Nam. Mục 4 đưa ra khuyến nghị, và cuối cùng là kết luận ở Mục 5.

2. Khái quát về tín dụng xanh

Trong một thập kỷ trở lại đây, phát triển cân bằng nhằm đạt được cả lợi ích kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của các nhà nghiên cứu và hoạch định chính sách

* Học viện Ngân hàng; email: chivm@hvn.edu.vn

(Nabeeh, Abdel-Basset và Soliman, 2021). Theo đó, tín dụng xanh đã trở thành một trong những công cụ quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững, kết hợp giữa lợi ích kinh tế và bảo vệ môi trường. Tín dụng xanh được hiểu là chính sách tín dụng trong đó các tổ chức tín dụng (TCTD) cung cấp các khoản vay ưu đãi cho các dự án hoặc doanh nghiệp thân thiện với môi trường, đồng thời hạn chế tài trợ cho các dự án có tác động tiêu cực đến môi trường. Khái niệm này được phát triển từ các nguyên tắc Xích đạo (Equator Principles) và hiện nay đang được nhiều tổ chức tài chính quốc tế ủng hộ và áp dụng rộng rãi (Contreras, Bos, & Kleimeier, 2019; Liu et al., 2017). Theo Zhang et al., 2021, tín dụng xanh, hay còn gọi là Green Credit, có thể định nghĩa là việc cung cấp các khoản vay với lãi suất ưu đãi cho các dự án bảo vệ môi trường, chẳng hạn như năng lượng tái tạo, nông nghiệp sạch, xử lý chất thải và phát triển công trình xanh. Ngược lại, các doanh nghiệp có hoạt động gây ô nhiễm môi trường sẽ phải chịu các điều kiện tín dụng nghiêm ngặt hơn hoặc lãi suất cao hơn. Mục tiêu của chính sách này là phân bổ vốn xanh một cách hiệu quả, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào các giải pháp bền vững và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường (Liu et al., 2017).

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tác động tích cực của tín dụng xanh đối với các mục tiêu phát triển bền vững. Trong đó, hầu hết các nghiên cứu đều chỉ ra tác động tích cực của việc áp dụng chính sách lên việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động trực tiếp lên kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Ví dụ, khi nghiên cứu tại Trung Quốc từ năm 2007 đến năm 2019, Contreras, Bos và Kleimeier (2019) đã chứng minh được tín dụng xanh đã có tác động hạn chế hiệu suất phát thải của các doanh nghiệp kinh doanh năng lượng. Đặc biệt, việc thúc đẩy tín dụng xanh còn tạo bản đồ cho các doanh nghiệp Trung Quốc chuyển đổi hoạt động nhằm đáp ứng mục tiêu bảo vệ môi trường. Cụ thể hơn, Contreras, Bos và Kleimeier (2019) còn chỉ ra rằng, các khoản vay từ hệ thống ngân hàng sẽ có tác động tích cực hơn so với việc Chính phủ cung cấp các khoản trợ cấp thông thường. Tương tự, tại Hàn Quốc, tín dụng xanh cũng giúp cải thiện hiệu suất môi trường của các nhà cung cấp trong chuỗi cung ứng, tạo ra tác động lan tỏa đến toàn bộ hệ sinh thái sản xuất (Kang, Jung, & Lee, 2020). Ngoài việc bảo vệ môi trường, tín dụng xanh còn mang lại lợi ích kinh tế rõ rệt cho cả doanh nghiệp và ngân hàng thương mại. Các doanh nghiệp tiếp cận tín dụng xanh không chỉ nhận được lãi suất ưu đãi mà còn cải thiện hiệu quả tài chính và thúc đẩy đổi mới sản phẩm, giúp nâng

cao khả năng cạnh tranh trên thị trường (Wang & Li, 2022). Về phía ngân hàng, các nghiên cứu đã chỉ ra rằng tỷ lệ tín dụng xanh càng cao, hiệu quả tài chính của ngân hàng càng được cải thiện, đặc biệt là trong việc giảm thiểu rủi ro nợ xấu và thu hút các nguồn vốn quốc tế (Xi, Wang, & Yang, 2022).

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc áp dụng các tiêu chuẩn và quy định nghiêm ngặt trong sử dụng vốn tín dụng xanh không chỉ giảm thiểu rủi ro tài chính mà còn đảm bảo các dự án và doanh nghiệp được tài trợ mang lại lợi ích dài hạn cho cộng đồng và môi trường. Tehreem Fatima (2022), khi nghiên cứu dữ liệu từ 27 ngân hàng ở Pakistan từ 2011 đến 2020, đã kết luận rằng phân bổ nguồn lực hợp lý từ chính sách tín dụng xanh giúp tăng khả năng thành công và khả năng sinh lời của các ngân hàng, đồng thời cải thiện mối quan hệ giữa phân bổ vốn và hiệu quả tài chính. Điều này nhấn mạnh vai trò quan trọng của tín dụng xanh trong việc tối ưu hóa phân bổ vốn và quản lý rủi ro. Bên cạnh đó, tín dụng xanh không chỉ hỗ trợ lợi ích kinh tế mà còn thúc đẩy sự đổi mới, đặc biệt là trong ngành ngân hàng. Bin Xi và cộng sự (2021) đã nghiên cứu mối liên hệ giữa tín dụng xanh và hiệu quả hoạt động của 19 ngân hàng niêm yết ở Trung Quốc từ năm 2008 đến 2017. Nghiên cứu này chỉ ra rằng tỷ lệ tín dụng xanh càng cao, hiệu quả tài chính của các ngân hàng. Từ khía cạnh phát triển bền vững, Pooja Mishra và Tatavarty Guru Sant (2023) đã điều tra mức độ áp dụng các chỉ số ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) tại Ấn Độ và cách các tổ chức tài chính sử dụng các chiến lược tín dụng xanh để hỗ trợ các dự án công nghệ mới, năng lượng tái tạo và hạ tầng xanh. Nhìn chung, các nghiên cứu đều cho thấy tín dụng xanh đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các công nghệ mới và hỗ trợ phát triển bền vững, cân bằng giữa lợi nhuận kinh tế và bảo vệ môi trường ngày càng được cải thiện, với kết quả tích cực trong cả ngắn và dài hạn (Nabeeh, Abdel-Basset và Soliman, 2021).

3. Triển khai tín dụng xanh tại các NHTM tại Việt Nam

3.1. Thực trạng hoạt động tín dụng xanh tại các NHTM

Trong thời gian qua, ngành ngân hàng đã triển khai nhiều chương trình tín dụng xanh, tập trung vào các lĩnh vực như nông nghiệp xanh, năng lượng tái tạo, và các dự án nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, phù hợp với xu hướng toàn cầu. Cụ thể:

- Các NHTM lớn đã xây dựng các gói tín dụng xanh với lãi suất ưu đãi nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp

và cá nhân thực hiện các dự án thân thiện với môi trường, quy định nội bộ quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng theo quy định tại Thông tư số 17/2022/TT-NHNN (Bảng 1). Điển hình như:

+ BIDV triển khai gói tín dụng xanh 4.200 tỷ đồng và quản lý rủi ro môi trường xã hội, với các ưu đãi hấp dẫn về lãi suất, chính sách tài sản đảm bảo và tỷ giá dành cho các doanh nghiệp dệt may nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp dệt may trong quá trình chuyển dịch xanh theo hướng phát triển bền vững, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch xanh. Đến nay, ngân hàng đang dẫn đầu thị trường với hơn 1.528 khách hàng và tổng dư nợ xanh đạt 2,98 tỷ USD vào cuối tháng 9/2023.

+ VCB đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, đặc biệt với các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; dự án tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên; dự án xử lý chất thải và phòng, chống ô nhiễm; nông nghiệp xanh; công nghiệp xanh; công trình xanh và giao thông bền vững. Tổng dư nợ tín dụng xanh của VCB tăng mạnh qua các năm, từ hơn 7.890 tỷ đồng năm 2018 lên đến trên 46.000 tỷ đồng đến hết năm 2023, chiếm gần 4% tổng dư nợ của ngân hàng.

+ VPBank đã chính thức công bố chương trình Tín dụng xanh vào tháng 05/2020 dành cho các khách hàng thỏa mãn các tiêu chí xanh có nhu cầu vay vốn với mục đích đầu tư cho các kế hoạch, dự án thân thiện với môi trường và đáp ứng quy định nội bộ quản lý rủi ro về môi trường, có thể kể đến các ngành như: Năng lượng tái tạo (Renewable Energy); Sản xuất điện hiệu quả và giảm phát thải carbon; Sử dụng năng lượng hiệu quả (Energy Efficiency); Tòa nhà có Chứng chỉ xanh (Green Buildings); Sử dụng nguồn nước hiệu quả (Water Efficiency); Xử lý chất thải; Nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất bền vững; Ngăn chặn và kiểm soát ô nhiễm;...

+ ACB cũng đã chính thức triển khai gói tín dụng xanh/xã hội 2.000 tỷ đồng từ đầu năm 2024 cùng nhiều ưu đãi dành cho các doanh nghiệp có phương án sản xuất kinh doanh có lợi cho môi trường và xã hội trong các lĩnh vực như: Năng lượng tái tạo (điện mặt trời); sử dụng năng lượng hiệu quả; công trình xanh; kiểm soát và ngăn ngừa ô nhiễm; giao thông vận tải sạch (bao gồm xe hybrid); quản lý nước bền vững và xử lý nước thải; quản lý bền vững môi trường sông, tài nguyên thiên nhiên và sử dụng đất. Đến tháng 8/2024, ngân hàng đã giải ngân 86% gói tín dụng này.

Ngoài ra, VPbank và BIDV cũng là 02 TCTD đã xây dựng và ban hành Khung Tín dụng Xanh nhằm

đưa ra quy trình sử dụng và quản lý nguồn vốn vay xanh để cho vay các dự án đáp ứng tiêu chí xanh.

Bảng 1: Các gói tín dụng, chương trình tín dụng xanh tại một số NHTM

Ngân hàng	Mục đích vay	Lãi suất	Thời gian vay
Shinhanbank	12 lĩnh vực xanh	Lãi suất cơ định: 6,5%/năm Lãi suất thả nổi: Lãi suất cơ bản 12 tháng + biên độ 0,8%	Tối đa 10 năm
	Mua xe ô tô thân thiện môi trường (xe điện và hybrid)	Giảm thêm 0,3% so với gói vay chuẩn	Tối đa 07 năm
Nam A Bank	Các nhu cầu đầu tư, kinh doanh, tiêu dùng thân thiện với môi trường; dự án thúc đẩy giảm khí thải CO ₂ và dự án tiết kiệm 20% năng lượng;	Ngân hạn: 7%/năm Trung dài hạn: 8,8%/năm trong 24 tháng đầu Gói ưu đãi: 7,7%/năm	Tối đa 02 năm
	Năng lượng sạch/ nông nghiệp xanh và các dự án giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải	Trung dài hạn: 8,7%/năm trong 03 năm đầu Từ năm thứ 4: Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + biên độ 4%	Tối thiểu 02 năm
Agribank	Năng lượng sạch/ nông nghiệp xanh và các dự án giảm thiểu ô nhiễm, xử lý chất thải	Trung dài hạn: 8,7%/năm trong 03 năm đầu Từ năm thứ 4: Lãi suất tiết kiệm 12 tháng + biên độ 4%	Tối thiểu 02 năm
OCB	Dự án năng lượng mặt trời áp mái	Phê duyệt theo từng trường hợp cụ thể	Tối đa 05 năm
HDBank	Dự án năng lượng tái tạo và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; dự án điện mặt trời thương mại và điện mặt trời áp mái	Phê duyệt theo từng trường hợp cụ thể	Tối đa 10 năm
Sacombank	Đổi mới chiến lược phát triển, quy trình sản xuất hoặc mục đích sử dụng vốn vay không rủi ro đối với môi trường, góp phần bảo vệ hệ sinh thái chung	Trung dài hạn: 8,5%/năm trong 01 năm đầu Từ các năm sau: 9,5%/năm	Tối đa 08 năm
VietinBank	Đổi mới các dự án tiết kiệm và hiệu quả năng lượng thuộc chương trình tín dụng môi trường EIB, chương trình tín dụng GCPF, dự án năng lượng tái tạo REDP	Trung dài hạn: 8,1%/năm	Tối thiểu 02 năm
Vietcombank	Dự án năng lượng tái tạo, dự án điện năng lượng mặt trời, điện áp mái		
MBBank	Ngành năng lượng tái tạo và xây dựng các sản phẩm xanh vào danh mục các sản phẩm cho vay hiện có như: cho vay các dự án sử dụng tiết kiệm năng lượng, năng lượng tái tạo, năng lượng mặt trời; cho vay các dự án về xử lý rác thải, chất thải, khí thải	Trung dài hạn: Áp dụng biên độ 2,8%/năm (thông thường biên 3%/năm)	Tối đa 15 năm
SHB	Dự án cho về năng lượng tái tạo, năng lượng sạch	Ưu đãi như lãi suất từ 1% - 1,5% so với lãi suất thông thường	Tối đa 10-15 năm

Nguồn: Báo cáo NHNN, 2024

- Các TCTD đã thực hiện theo Thông tư 17/2022/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. Nhiều TCTD như VPBank, SHB, BIDV, và Nam Á Bank đã xây dựng quy định nội bộ và tăng cường đánh giá rủi ro môi trường và xã hội, với tổng dư nợ được đánh giá rủi ro môi trường và xã hội đến 31/12/2023 đạt 2,84 triệu tỷ đồng, chiếm hơn 20% tổng dư nợ cho vay của nền kinh tế, tăng hơn 20% so với cuối năm 2022.

- Thực hiện chỉ đạo của NHNN, các TCTD triển khai các chương trình tín dụng cho các ngành chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như Đề án phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long, chính sách cơ cấu nợ đối với khách hàng bị thiệt hại do hậu thiên tai, dịch bệnh, chương trình cho vay nhà ở vùng ngập lũ, và phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Các NHTM đã tích cực huy động vốn quốc tế cho các dự án xanh. Sau năm 2020, sự quan tâm và tài trợ cho các lĩnh vực xanh tăng mạnh, với 95% các ngân hàng nước ngoài và các quỹ đầu tư, tập đoàn và doanh nghiệp có kế hoạch tài trợ xanh tại Việt Nam. Tính đến nay, các tổ chức quốc tế, đặc biệt là WB, ADB, AIIB, và IFC đã hỗ trợ các dự án xanh qua nhiều hình thức tài trợ khác nhau. Trong năm 2024, một số tổ chức dự kiến đầu tư 425 triệu USD vào các dự án xanh.

- Các NHTM như VPBank, SHB và Seabank đã huy động vốn thành công từ các tổ chức quốc tế như IFC, DEG, DFC để phát triển tín dụng xanh, đặc biệt tập trung vào hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) và các dự án chống biến đổi khí hậu. Tổng số vốn huy động của VPBank đến cuối 2023 đạt gần 1 tỷ USD, còn SHB tham gia dự án tiết kiệm năng lượng với giá trị bảo lãnh 75 triệu USD, Seabank huy động được 220 triệu USD từ IFC và 05 quỹ quốc tế hỗ trợ cho các SMEs và tài trợ chống biến đổi khí hậu.

- Một số NHTM cũng đã phát hành trái phiếu xanh nhằm huy động vốn từ thị trường trong nước và quốc tế để tài trợ cho các dự án xanh, thể hiện cam kết trong việc hỗ trợ phát triển bền vững và giảm phát thải.

Nhìn chung, các NHTM tại Việt Nam đã tích cực mở rộng các chương trình tín dụng xanh, không chỉ đáp ứng nhu cầu vay vốn mà còn góp phần vào quá trình phát triển kinh tế xanh và đạt được các mục tiêu về biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

3.3. Đánh giá thực trạng

* Kết quả đạt được

Nhận thức của hệ thống ngân hàng đã có sự chuyển biến rõ rệt trong thực hiện cấp tín dụng cho các ngành, lĩnh vực xanh, quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng; việc xây dựng các sản phẩm về ngân hàng xanh, tín dụng xanh được các ngân hàng triển khai một cách đa dạng, từ hoạt động nội bộ ngân hàng đến các hoạt động cung cấp các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng xanh, giảm phát thải khí nhà kính theo định hướng của NHNN. Nhiều TCTD đã chủ động hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế để nhận các hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ tài chính để tài trợ cho các dự án mang lại lợi ích về môi trường.

Theo số liệu công bố của NHNN, tính đến cuối tháng 6 năm 2024, đã có 47 TCTD phát sinh dư nợ tín dụng xanh với dư nợ gần 680 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng khoảng 4,5% tổng dư nợ toàn nền kinh tế, tập trung chủ yếu vào các ngành năng lượng tái tạo, năng lượng sạch (chiếm gần 45%) và nông nghiệp xanh (gần 30%). Đối với việc đánh giá rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, các TCTD đã thực hiện đánh giá rủi ro môi trường và xã hội với dư nợ chiếm hơn 21%/tổng dư nợ cho vay của nền kinh tế, tăng hơn 20% so với cuối năm 2023. Tuy nhiên, tỷ lệ này vẫn tương đối thấp so với tiềm năng phát triển của ngành tài chính xanh trong bối cảnh các quốc gia trên thế giới ngày càng chú trọng đến các chính sách phát triển bền vững.

* Thách thức và cơ hội

Mặc dù đã có nhiều tiến triển, triển khai tín dụng xanh tại Việt Nam vẫn gặp một số thách thức:

- Khuôn khổ pháp lý cho tăng trưởng kinh tế xanh chưa hoàn thiện. Các quy định quan trọng như Danh mục phân loại xanh quốc gia, thống kê kinh tế xanh và chính sách khuyến khích cho từng ngành vẫn chưa được ban hành đầy đủ, gây khó khăn cho ngân hàng trong việc điều hành tín dụng xanh (Trần Anh Quý, 2023).

- Nguồn lực hệ thống ngân hàng còn hạn chế, gặp khó khăn trong việc giảm lãi suất tín dụng xanh do ảnh hưởng của Covid-19 và nợ xấu, đồng thời phải tuân thủ chuẩn mực quản trị rủi ro quốc tế.

- Áp lực huy động vốn phục vụ cho tăng trưởng xanh rất lớn, đặc biệt các dự án xanh dài hạn và quy mô lớn, trong khi nguồn vốn huy động từ các ngân hàng thường có kỳ hạn ngắn. Thị trường trái phiếu xanh và tín chỉ carbon chưa phát triển, gây thêm khó khăn trong việc huy động vốn.

Mặt khác, biến động kinh tế và căng thẳng địa chính trị, thiên tai, dịch bệnh làm giảm hấp dẫn vốn vay nước ngoài, khiến các doanh nghiệp có xu hướng chuyển sang vay trong nước. Thêm vào đó, việc thực hiện Thỏa thuận Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) với vốn vay lớn (15,5 tỷ USD) cũng gây áp lực lớn lên hệ thống ngân hàng về tỷ giá, lãi suất và tín dụng.

- Chi phí đầu tư vào hệ thống quản trị và huy động vốn cao, đặc biệt là ngoại tệ, cùng với năng lực chuyên môn về tài trợ dự án xanh của cán bộ ngân hàng còn hạn chế.

- Việc phát triển ngân hàng số và các dịch vụ ngân hàng ứng dụng khoa học kỹ thuật vẫn gặp một số thách thức về pháp lý, cơ chế, và tội phạm công nghệ, trong khi tâm lý của người dân vẫn còn thận trọng khi tiếp cận và sử dụng các dịch vụ thanh toán trên nền tảng số.

- Các doanh nghiệp, đặc biệt SMEs gặp khó khăn trong đáp ứng các tiêu chí tín dụng xanh do hạn chế tài chính và kỹ thuật. Ngoài ra, quy trình cấp tín dụng xanh còn phức tạp, yêu cầu sự phối hợp chặt chẽ giữa ngân hàng và cơ quan quản lý.

Tuy nhiên, với sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế và cam kết của chính phủ, tín dụng xanh có tiềm năng phát triển mạnh mẽ. Các ngân hàng cũng đang phát triển các sản phẩm tài chính xanh như trái phiếu xanh và các hình thức huy động vốn khác để đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.

4. Một số khuyến nghị

Thứ nhất, NHNN cần phối hợp các Bộ, ngành liên quan tiếp tục hoàn thiện khung chính sách nhằm tăng cường năng lực cho các TCTD để thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh, hướng đến phát triển, đa dạng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng xanh nhằm đáp ứng nhu cầu về nguồn lực phục vụ tăng trưởng kinh tế xanh.

Thứ hai, đẩy mạnh giải pháp huy động các nguồn lực để thực hiện chính sách tín dụng xanh ngoài nguồn lực của Nhà nước; tăng tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh và thực hiện quản lý rủi ro về môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng của TCTD dân tiệm cận với tiêu chuẩn quốc tế, hướng tới phát triển ngân hàng xanh;

Thứ ba, các NHTM cần tiếp tục tăng cường huy động từ các nguồn vốn ưu đãi dài hạn từ các tổ chức tài chính quốc tế lớn như KfW, WB, ADB, IFC,...; từ các quỹ tài chính khí hậu quốc tế để tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo quy mô lớn, tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp thông qua TCTD; từ phát hành trái phiếu xanh nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lớn, thời gian dài, phân tán và giảm thiểu rủi ro, cũng như phù hợp với quy định giới hạn cấp tín dụng của TCTD, trong bối cảnh nguồn lực từ NSNN còn hạn hẹp.

Thứ tư, nghiên cứu các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển tín dụng xanh thông qua các chương trình tái cấp vốn, giảm dự trữ bắt buộc, lãi suất, thời hạn cho vay của NHNN với các ngân hàng xanh hay thành lập Quỹ tài chính - tín dụng xanh...; cần nhắc xem xét cơ chế phối hợp giữa chính sách tiền tệ và tài khóa trong việc phát triển tín dụng xanh như tạo điều kiện hỗ trợ phát hành trái phiếu xanh cho các địa phương, tỉnh, thành phố.

Thứ năm, phối hợp với các tổ chức quốc tế có kinh nghiệm mở các khóa đào tạo đội ngũ lãnh đạo, quản lý nhằm hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tín dụng, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; Mở các lớp đào tạo tại các cơ sở đào tạo, hiệp hội ngân hàng và các đơn vị có liên quan đến hoạch định chính sách phát triển tín dụng xanh, ngân hàng xanh của NHNN.

Thứ sáu, nâng cao nhận thức, vai trò và năng lực cán bộ ngân hàng trong thực hiện cấp tín dụng xanh, quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng đối với các ngành, lĩnh vực phát thải cao; phát triển sản phẩm và dịch vụ ngân hàng, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế đẩy mạnh thực hiện tăng trưởng xanh.

Thứ bảy, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết cho người dân về sử dụng các dịch vụ ngân hàng trên kênh số một cách an toàn, phù hợp, giúp họ có kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ khỏi các rủi ro khi giao dịch trên môi trường số.

Kết luận

Tín dụng xanh là một công cụ quan trọng trong việc huy động nguồn lực tài chính cho các dự án thân thiện với môi trường, hỗ trợ thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng sự đa dạng hóa các sản phẩm và dịch vụ tín dụng xanh giúp ngân hàng tăng cường khả năng cung cấp vốn cho các dự án xanh, đồng thời khuyến khích các doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động kinh doanh bền vững. Điều này không chỉ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế mà còn góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường. Để phát huy tối đa hiệu quả của tín dụng xanh, các ngân hàng cần tiếp tục nâng cao năng lực quản lý rủi ro môi trường và xã hội, đặc biệt trong các ngành phát thải cao. Đồng thời, việc nâng cao nhận thức và vai trò của các ngân hàng thương mại trong cấp tín dụng cho các dự án xanh là hết sức cần thiết. Kết quả nghiên cứu đã cung cấp các khuyến nghị thiết thực nhằm thúc đẩy hoạt động tín dụng xanh, góp phần hướng tới một nền kinh tế bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng phức tạp.

Tài liệu tham khảo:

- Báo cáo tham luận NHNN tại Tòa đàm của Hiệp hội ngân hàng về "Ngân hàng xanh - Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho TCTD Việt Nam", ngày 4/10/2023
- Báo cáo tham luận NHNN, 2024: "Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng nhằm thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2023 - Thực trạng và nhiệm vụ của các Ngân hàng thương mại"
- Contreras, G., Bos, J.W. and Kleimeier, S. (2019) 'Self-regulation in sustainable finance: The adoption of the Equator Principles', *World Development*, 122, pp. 306-324.
- Kang, H., Jung, S.-Y. and Lee, H. (2020) 'The impact of Green Credit Policy on manufacturers' efforts to reduce suppliers' pollution', *Journal of Cleaner Production*, 248, p. 119271. Available at: <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2019.119271>.
- Kim Thoa N.T. (2023) Thực trạng phát triển tín dụng xanh, *Tạp chí Công Thương*. Available at: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-phat-trien-tin-dung-xanh-107664.htm> (Accessed: 23 January 2024).
- Li, J. (2013) 'Enterprises' Green Credit Assessment-From the Perspective of Financial Institutions' *Green Credit*, *Contemporary Logistics*, (10), p. 102.
- Liu, J.-Y. et al. (2017) 'Assessment of a green credit policy aimed at energy-intensive industries in China based on a financial CGE model', *Journal of Cleaner Production*, 163, pp. 293-302.
- Nabeeh, N.A., Abdel-Basset, M. and Soliman, G. (2021) 'A model for evaluating green credit rating and its impact on sustainability performance', *Journal of Cleaner Production*, 280, p. 124299.
- Ngọc N.T.A. (2023) Tín dụng xanh tại Việt Nam: Thực trạng và một số khuyến nghị. Available at: <https://tapchinhang.gov.vn/tin-dung-xanh-tai-viet-nam-thuc-trang-va-mot-so-khuyen-nghi.htm> (Accessed: 23 January 2024).
- Wang, Y. and Li, M. (2022) 'Credit policy and its heterogeneous effects on green innovations', *Journal of Financial Stability*, 58, p. 100961. Available at: <https://doi.org/10.1016/j.jfs.2021.100961>.
- World Bank Group (2022), Báo cáo Quốc gia về Khí hậu và Phát triển.
- Xi, B., Wang, Y. and Yang, M. (2022) 'Green credit, green reputation, and corporate financial performance: evidence from China', *Environmental Science and Pollution Research*, 29(2), pp. 2401-2419. Available at: <https://doi.org/10.1007/s11356-021-15646-z>.
- Zhang, D., Zhang, Z. and Managi, S. (2019) 'A bibliometric analysis on green finance: Current status, development, and future directions', *Finance Research Letters*, 29, pp. 425-430. Available at: <https://doi.org/10.1016/j.frl.2019.02.003>.
- Zhang, M. et al. (2022) 'Exploring the impact of green credit policies on corporate financing costs based on the data of Chinese A-share listed companies from 2008 to 2019', *Journal of Cleaner Production*, 375, p. 134012. Available at: <https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2022.134012>.
- Available at: <https://doi.org/10.1108/IJOEM-04-2021-0555>.
- Zhang, Q. et al. (2021) 'What effect did the Green Credit Policy have on China's energy or emission intensive firms?', *International Journal of Emerging Markets*, 18(9), pp. 2363-2382. Available at: <https://doi.org/10.1108/IJOEM-04-2021-0555>.
- Các văn bản pháp lý có liên quan